

Số: 85 /QĐ-STP

Lào Cai, ngày 3 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai.

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 19/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về Quyết định ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;

Căn cứ kết quả đánh giá nội bộ và xem xét của Thường trực Ban chỉ đạo ISO Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 11/QĐ-STP ngày 26/01/2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai, các thành viên Ban Chỉ đạo ISO, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN tỉnh Lào Cai (để biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Kim Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các lĩnh vực hoạt động
(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 3 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Lào Cai, ngày 3 tháng 10 năm 2016
GIÁM ĐỐC



Hoàng Kim Thái

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 85 /QĐ-STP ngày 3 tháng 10 năm của Giám
đốc Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai)

TT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU
A	CÁC QUY TRÌNH HỆ THỐNG	
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Sổ tay chất lượng	STCL
3	Kiểm soát tài liệu	QT01/HT
4	Kiểm soát hồ sơ	QT02/HT
5	Đánh giá nội bộ	QT03/HT
6	Kiểm soát sản phẩm hành chính không phù hợp	QT04/HT
7	Hành động khắc phục	QT05/HT
8	Hành động phòng ngừa	QT06/HT
B	CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ	
1	Xem xét của lãnh đạo	QT01/NB
2	Quản lý văn bản đến và văn bản đi	QT02/NB
C	CÁC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
I	LĨNH VỰC: HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP (11 TTHC)	
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QT01/TTHC
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT02/TTHC
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT03/TTHC
4	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT04/TTHC
5	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT05/TTHC
6	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT06/TTHC
7	Cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT07/TTHC

8	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT08/TTHC
9	Nhập quốc tịch Việt Nam	QT09/TTHC
10	Trở lại quốc tịch Việt Nam	QT10/TTHC
11	Thôi Quốc tịch Việt Nam	QT11/TTHC
II	LĨNH VỰC: TƯ VẤN PHÁP LUẬT (10 TTHC)	
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT12/TTHC
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT13/TTHC
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	QT14/TTHC
4	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	QT15/TTHC
5	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	QT16/TTHC
6	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	QT17/TTHC
7	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	QT18/TTHC
8	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT19/TTHC
9	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	QT20/TTHC
10	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	QT21/TTHC
III	LĨNH VỰC: LUẬT SƯ (20 TTHC).	
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT22/TTHC
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT23/TTHC
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT24/TTHC
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	QT25/TTHC
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT26/TTHC
6	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT27/TTHC
7	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	QT28/TTHC
8	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT29/TTHC
9	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT30/TTHC
10	Hợp nhất công ty luật	QT31/TTHC

11	Sáp nhập công ty luật	QT32/TTHC
12	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	QT33/TTHC
13	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	QT34/TTHC
14	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT35/TTHC
15	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	QT36/TTHC
16	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	QT37/TTHC
17	Giải thể Đoàn luật sư	QT38/TTHC
18	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	QT39/TTHC
19	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	QT40/TTHC
20	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT41/TTHC
IV	LĨNH VỰC: QUẢN TÀI VIÊN (12 TTHC)	
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT42/TTHC
2	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT43/TTHC
3	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT44/TTHC
4	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	QT45/TTHC
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT46/TTHC
6	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	QT47/TTHC
7	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT48/TTHC
8	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	QT49/TTHC
9	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	QT50/TTHC
10	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT51/TTHC
11	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên.	QT52/TTHC
12	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	QT53/TTHC

V	TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (19 TTHC)	
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	QT54/TTHC
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	QT55/TTHC
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	QT56/TTHC
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	QT57/TTHC
5	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	QT58/TTHC
6	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	QT59/TTHC
7	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT60/TTHC
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT61/TTHC
9	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT62/TTHC
10	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT63/TTHC
11	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT64/TTHC
12	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT65/TTHC
13	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT66/TTHC
14	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT67/TTHC
15	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	QT68/TTHC
16	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	QT69/TTHC
17	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	QT70/TTHC
18	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	QT71/TTHC
19	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT72/TTHC
VI	GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (09 TTHC)	
1	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	QT73/TTHC

2	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	QT74/TTHC
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	QT75/TTHC
4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	QT76/TTHC
5	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT77/TTHC
6	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	QT78/TTHC
7	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	QT79/TTHC
8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	QT80/TTHC
9	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	QT81/TTHC
VII	LĨNH VỰC: CÔNG CHỨNG (39 TTHC)	
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	QT82/TTHC
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT83/TTHC
3	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT84/TTHC
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT85/TTHC
5	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	QT86/TTHC
6	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT87/TTHC
7	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT88/TTHC
8	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	QT89/TTHC
9	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự.	QT90/TTHC
10	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	QT91/TTHC
11	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	QT92/TTHC
12	Cấp lại Thẻ công chứng viên	QT93/TTHC
13	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	QT94/TTHC

14	Thành lập Văn phòng công chứng	QT95/TTHC
15	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	QT96/TTHC
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	QT97/TTHC
17	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	QT98/TTHC
18	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	QT99/TTHC
19	Hợp nhất Văn phòng công chứng	QT100/TTHC
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	QT101/TTHC
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng	QT102/TTHC
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	QT103/TTHC
23	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	QT104/TTHC
24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	QT105/TTHC
25	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	QT106/TTHC
26	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	QT107/TTHC
27	Thành lập Hội công chứng viên	QT108/TTHC
28	Công chứng bản dịch	QT109/TTHC
29	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	QT110/TTHC
30	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	QT111/TTHC
31	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT112/TTHC
32	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	QT113/TTHC
33	Công chứng di chúc	QT114/TTHC
34	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	QT115/TTHC
35	Công chứng văn bản khai nhận di sản	QT116/TTHC
36	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	QT117/TTHC
37	Công chứng hợp đồng ủy quyền	QT118/TTHC
38	Nhận lưu giữ di chúc	QT119/TTHC
39	Cấp bản sao văn bản công chứng	QT120/TTHC
VIII	LĨNH VỰC: TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (10 TTHC)	

1	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	QT121/TTHC
2	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	QT122/TTHC
3	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	QT123/TTHC
4	Thủ tục khiếu nại về từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	QT124/TTHC
5	Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên	QT125/TTHC
6	Thủ tục cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	QT126/TTHC
7	Thủ tục thu hồi Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	QT127/TTHC
8	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT128/TTHC
9	Thủ tục thay đổi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT129/TTHC
10	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT130/TTHC
IX	LĨNH VỰC: BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (01 TTHC)	
1	Thủ tục đăng ký danh sách đấu giá viên	QT131/TTHC
X	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 TTHC)	
1	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	QT132/TTHC
2	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	QT133/TTHC
XI	LĨNH VỰC: THANH TRA (05 TTHC)	
1	Thủ tục tiếp công dân	QT134/TTHC
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	QT135/TTHC
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	QT136/TTHC
4	Thủ tục tố cáo và giải quyết tố cáo	QT137/TTHC
5	Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị.	QT138/TTHC